

Bản án số: 492/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 02-11-2021

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Bích Thảo

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Trung Kiên
2. Ông Nguyễn Bảo Lâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 06/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 207/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Q.G, sinh năm 198x; địa chỉ: Đường T, Phường K, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

Bị đơn: Ông Ngô T. L, sinh năm 198x; địa chỉ: Đường X, Phường B, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/12/2020 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn - bà Trần Thị Q.G trình bày: Bà và ông Ngô T.L quen biết, tìm hiểu và tự nguyện tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn năm 2013. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Từ khoảng năm 2015, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông L sống không có sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ bà trong cuộc sống gia đình. Ngoài ra, khi ông L gặp vấn đề trong công việc, gây nợ nhiều nơi nhưng cũng không nói thật với bà, trả hết nợ này lại phát sinh khoản nợ khác dẫn đến việc bà không còn niềm tin với ông L, vợ chồng thường xuyên tranh cãi rất mệt mỏi, áp lực nên bà và con đã dọn ra ngoài sống riêng từ đầu năm 2018. Tháng 7/2020, bà đã nộp đơn ra Tòa án nhân dân quận Tân Bình yêu cầu ly hôn, bà đã rút đơn về tạo cơ hội cho ông L sửa chữa, khắc phục những khuyết điểm để vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả. Nay, bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn nên yêu cầu được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 01 con chung tên Ngô T.K – sinh ngày x/x/201x. Ly hôn, bà yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu ông L cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngày 11/10/2021, Tòa án nhận được đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 06/10/2021 của nguyên đơn gửi qua đường bưu điện đơn có nội dung vẫn giữ ý kiến và yêu cầu như đã trình bày.

Bị đơn – ông Ngô T.L trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà G về thời gian tìm hiểu và đi đến hôn nhân. Về lý do dẫn đến những bất đồng, mâu thuẫn vợ chồng ông thừa nhận có những sai lầm như bà G trình bày. Mâu thuẫn vợ chồng thật sự phát sinh chỉ từ vấn đề kinh tế, tiền bạc. Thật sự ông rất thương vợ, thương con và muốn lo cho vợ con một cuộc sống tốt đẹp nên đã dành nhiều thời gian vào việc lo kinh tế, tài chính cho gia đình nhưng do nhiều vấn đề phát sinh nên có gây những khoản nợ và từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Giai đoạn vừa qua, ông đang cố gắng khắc phục những vấn đề công ăn, việc làm và cố gắng hàn gắn những mâu thuẫn, bất đồng để vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Có 1 con chung như bà G trình bày. Vì con còn rất nhỏ, ông có nguyện vọng con tiếp tục được sống trong gia đình hạnh phúc. Trong trường hợp ly hôn, ông cũng có nguyện vọng được nuôi con và không yêu cầu bà G cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngày 06/10/2021, ông L có đơn xin xét xử vắng mặt và trình bày: Giữa ông và bà G không thể nói chuyện được với nhau để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Để tạo điều kiện cho bà G và con chung ổn định cuộc sống nên ông đề nghị Tòa xem xét và giải quyết theo các yêu cầu của bà G về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến nhận xét về việc chấp hành pháp luật về tố tụng dân sự: Quá trình thụ lý vụ án đến tại phiên Tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; nguyên đơn chấp hành tốt quy định pháp luật về tố tụng, chấp hành đúng nội quy phiên tòa, do các đương sự đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Quá trình chung sống, hai bên xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng hàn gắn không có nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn, do bị đơn cư trú tại quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về sự có mặt của Viện kiểm sát và đương sự tại phiên tòa:

[2.1]. Do Tòa án có thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2]. Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung: Căn cứ bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số x, quyển số x/201x, ngày x/x/201x do Ủy ban nhân dân xã Hưng Thịnh, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai cấp thì hôn nhân của hai bên đương sự là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu ly hôn; bị đơn không đồng ý ly hôn do vẫn còn thương vợ con và mong muốn được đoàn tụ để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc và chăm sóc, dạy bảo con chung. Xét, cuộc sống hôn nhân được hình thành và xây dựng từ sự yêu thương, tôn trọng, quan tâm và tin tưởng lẫn nhau nhưng theo lời trình bày của hai bên đương sự thì cuộc sống chung vợ chồng không thể hàn gắn do có sự thiếu sót trong việc thực hiện trách nhiệm của mỗi người cũng như không còn sự tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau. Phía nguyên đơn đã nộp đơn ly hôn và rút yêu cầu nên Tòa án nhân dân quận Tân Bình đã đình chỉ giải quyết vụ án vào tháng 11/2020 và nay nguyên đơn lại nộp đơn yêu cầu ly hôn thể hiện tình cảm vợ chồng đã có mâu thuẫn, rạn nứt nhưng không thể hàn gắn. Ngoài ra, tại đơn xét xử vắng mặt, bị đơn có trình bày đề nghị Tòa xem xét, giải quyết theo các yêu cầu của nguyên đơn để nguyên đơn và con ổn định cuộc sống. Từ những phân tích trên, việc chấm dứt quan hệ hôn nhân của các đương sự theo yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp theo Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Con từ trước đến nay vẫn do nguyên đơn nuôi dưỡng, chăm sóc và trẻ K cũng có nguyện vọng ở với mẹ nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung là trẻ Ngô T.K – sinh ngày x/x/201x cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng. Do bà G không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Hai bên đương sự trình bày tự thỏa thuận giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Hai bên đương sự khai không có.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được cân trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 228, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 56, 58, 59, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Trần Thị Q.G

a. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Q.G được ly hôn với ông Ngô T.L.

b. Về con chung: Bà Trần Thị Q.G được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Ngô T.K – sinh ngày x/x/201x cho đến khi con thành niên.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông L do bà G chưa có yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

c. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận giải quyết.

d. Về nợ chung: Hai bên khai không có.

2/ Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) do nguyên đơn chịu, được căn trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/00689x ngày x/x/202x của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4/ Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.TB;
- CCTHADS Q.TB;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (...).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Bích Thảo